

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2025/TLST-DS, ngày 26/3/2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Khương Thị Thùy T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu 2 Y, phường K, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, (nay là Khu 2 Y, phường K, tỉnh Bắc Ninh).

* Bị đơn: Ông Đỗ Đăng N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: Phòng 508, Tòa HHB, khu đô thị T, xã Ô, thành phố Hà Nội.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Đăng Tr (tên gọi khác Đỗ Đăng Ng), sinh năm 1961.

Ông Đỗ Đăng H, sinh năm 1964.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Anh Đỗ Đăng Á, sinh năm 1988.

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn C, xã P, tỉnh Bắc Ninh).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

1. Về hàng thừa kế: Xác nhận hàng thừa của cụ Đỗ Đăng H và cụ Nguyễn Thị B có 05 người con, gồm: Bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Đăng N, ông Đỗ Đăng Tr (tên gọi khác Đỗ Đăng Ng), ông Đỗ Đăng H, bà Đỗ Thị D.

2. Về di sản thừa kế: Xác nhận tài sản thừa kế của cụ Đỗ Đăng H và cụ Nguyễn Thị B để lại chưa chia là thửa đất số 742, tờ bản đồ số 5, diện tích $247m^2$ (nay là thửa đất 922, tờ bản đồ 50, diện tích đo đạc thực tế là $230.8m^2$), địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) và các tài sản còn lại trên đất đến nay gồm: 01 ngôi nhà gỗ cổ 4 gian diện tích $49,5m^2$; Sân lát gạch đỏ diện tích $37,6m^2$; 02 bức tường (là tường còn lại của bếp cũ đã bị đổ) diện tích $10,4m^2$. Ngoài ra, cụ Đỗ Đăng H và cụ Nguyễn Thị B không còn để lại di sản nào khác. Thửa đất có tứ cận như sau: Phần đất phía Bắc giáp đường liên xã có chiều dài 17,73m; Phần đất phía Nam giáp ngõ làng và giáp đất nhà ông Đỗ Bá H có chiều dài 15,59m; Phần đất phía Đông giáp đất nhà anh Quách Hiệp Tr có chiều dài 15,32m; Phần đất phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Gia H có chiều dài 12,59m.

3. Về phân chia di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Đăng H và cụ Nguyễn Thị B để lại và các tài sản khác trên đất, cụ thể như sau:

Bà Đỗ Thị T được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $90.8m^2$ tại thửa đất ở số 742, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất 922, tờ bản đồ 50), diện tích đo đạc hiện trạng $230.8m^2$, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) và các tài sản trên phần đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ cổ 4 gian diện tích $49,5m^2$; Công trình phụ lợp tôn diện tích $6.5m^2$; Bể nước thể tích $4,1m^3$; Sân lát gạch đỏ diện tích $11m^2$; Phần sân lát gạch đỏ diện tích $18,2m^2$; 1 phần của 02 bức tường 10 (là tường còn lại của bếp cũ đã bị đổ), 1 đoạn chiều dài 2,29m, 1 đoạn chiều dài 0,24m, chiều cao 2,05m, diện tích $6.5m^2$; 01 trụ cổng có thể tích $1,63m^3$ trên trụ cổng có phần mái khung sắt diện tích nằm trong phần đất $0,8m^2$ giao cho bà Đỗ Thị Tuyên; Tường 10 chất xi măng, cát phía Bắc dài 4,22m, diện tích $7,8m^2$; Tường 10 chất xi măng, cát phía Nam dài 1,15m, diện tích $1,8m^2$, phần đất được giới hạn bởi các điểm (1,A,B,K,E,F,8,9,10,11,1) có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường liên xã có

chiều dài 7,27m ; Cạnh phía Nam giáp ngõ làng và đất nhà ông Đỗ Bá H có chiều dài 6,6m; Cạnh phía Đông giáp phần đất mới chia cho ông N được quản lý, sử dụng có chiều dài 13,68m; Cạnh phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Gia H có chiều dài 12,59m. Bà T sẽ có trách nhiệm tháo dỡ cánh cổng sắt ngay sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Đăng N được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 140m² tại thửa đất ở số 742, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất 922, tờ bản đồ 50), diện tích đo đạc hiện trạng 230.8m² có địa chỉ thôn Đại Vi, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đại Vi, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh) và các tài sản trên phần đất gồm: 01 ngôi nhà 3 tầng 1 tum tổng diện tích xây dựng 228m²; Sân bê tông diện tích 42,5m²; Mái tôn diện tích 62,4m²; Phần sân lát gạch đỏ diện tích 19,4m²; Cửa xếp diện tích 6,5m²; 02 trụ cổng, mỗi trụ cổng có thể tích 1,63m³ trên trụ cổng có phần mái khung sắt diện tích nằm trong phần đất 2,3m² giao cho ông Đỗ Đăng Nhân; Tường 20 chưa chất, chiều dài 1,75 m (1.6m+0,15m) diện tích 4,75m²; Tường 20 chưa chất, chiều dài 3m diện tích 12,35m²; 1 phần tường 10 chưa chất dài 0,13m, cao 1,55m, diện tích 0,2m²; 1 phần của 02 bức tường 10 (là tường còn lại của bếp cũ đã bị đổ) dài 1,83, cao 2,05m, diện tích 3,9m², phần đất được giới hạn bởi các điểm (B,2,C,3,4,5,D,6,7,E,K,B) có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường liên xã có chiều dài 10,46m; Cạnh phía Nam giáp ngõ làng có chiều dài 8,99m; Cạnh phía Tây giáp phần đất mới chia cho bà T được quản lý, sử dụng có chiều dài 13,68m; Cạnh phía Đông giáp đất nhà ông Quách Hiệp Tr có chiều dài 15,32m. Ông N sẽ có trách nhiệm tháo dỡ phần lán khung sắt hiện đang bán vượt sang phần đất bà T được chia ngay sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và các đương sự có trách nhiệm tự xây ranh giới phần diện tích đất mà mình được hưởng.

(Có sơ đồ đo vẽ chi tiết kèm theo)

4. Về yêu cầu trích trả phần di sản chênh lệch khi phân chia di sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về yêu cầu trích trả giá trị các tài sản khác trên thửa đất: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết trích trả giá trị xây dựng các tài sản trên đất giao cho bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Đăng N.

6. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế trong vụ án này.

7. Về các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

8. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cấp cho hộ ông Đỗ Đăng N ngày 19/10/2001 đối với thửa đất số 742, tờ bản đồ số 5, diện tích 247m² (nay là thửa đất 922, tờ bản đồ 50), diện tích đo đạc hiện trạng 230.8m²) có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

9. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Đỗ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

10. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được chia thừa kế cho bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Đăng N, ông Đỗ Đăng Tr, ông Đỗ Đăng H do bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Đăng N, ông Đỗ Đăng Tr, ông Đỗ Đăng H là người cao tuổi.

Bà Đỗ Thị T phải chịu 26.497.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần di sản bà Đỗ Thị D được nhận mà giao cho bà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Hưng